

Bản án số: **65** /2019/DS-PT

Ngày: 03-6-2019.

**V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản (tiền).**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Tổ Hương.

2. Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa .

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 05 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tăng Văn A, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Số 131, khóm 1, phường 2, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp PT B, xã MP, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Tăng Văn A trình bày: Vào ngày 10/10/2018, ông A có cho bà B vay số tiền 280.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thỏa thuận sau 01 tháng trả vốn và lãi, khi cho vay bà B có làm biên nhận ký xác nhận và điểm chỉ. Bà B có giao cho ông A 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 110266 và số BV 392031. Bà B là người trực tiếp

giao dịch với ông A , chị C con bà B không có giao dịch với ông A . Sau 01 tháng vay bà B không trả vốn và lãi cho ông A .

Vì vậy, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị B trả số tiền vay vốn 280.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,8%/tháng, ông A đồng ý trả lại cho bà B 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 110266 và số BV 392031 do bà Trần Thị B đứng tên.

Bị đơn bà Trần Thị B trình bày: Bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A . Vào khoảng năm 2015, bà B không nhớ rõ ngày tháng, bà B có vay tiền của ông A 30.000.000 đồng, lãi suất 300.000 đồng/ngày, khi vay có thỏa thuận lãi suất, nhưng không nhớ bao nhiêu, sau đó ông A có thỏa thuận lại tính lãi suất tháng, nhưng bà B cũng không nhớ lãi suất bao nhiêu. Sau khi vay bà B có trả tiền vốn cho ông A được 8.000.000 đồng nhưng bà B không nhớ ngày tháng năm, từ khi vay đến nay bà B không có trả lãi. Như vậy bà B chỉ còn thiếu ông A tiền vốn vay là 22.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà B có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 110266 ngày 08/12/2014 và số BV 392031 ngày 15/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà B. Bà B thừa nhận chữ ký tên và điểm chỉ trong “Giấy vay tiền ngày 10/10/2018” của ông A cung cấp cho Tòa án là do bà B tự ký tên, ghi họ tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền. Khi ký và điểm chỉ bà B không có đọc nội dung, bà B nghĩ rằng do bà B không trả tiền lãi, nên cứ 03 tháng thì ông A có yêu cầu bà B ký giấy 01 lần, nên lần ký giấy ngày 10/10/2018 bà B không có đọc nội dung. Thực tế bà B không có nhận số tiền 280.000.000 đồng như trong giấy vay tiền đã ghi, bà chỉ là người đứng tên trong giấy vay tiền nhưng thực tế thì con gái của bà B là Lê Hoàng C đi nhận tiền và trả tiền, chị C là người trực tiếp giao dịch với ông A . Vì vậy, bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A , bà B chỉ đồng ý trả cho ông A tiền vốn vay là 22.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi 78.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi bà B đồng ý trả cho ông A là 100.000.000 đồng, thời gian trả ngày 01/12/2019 trả dứt nợ.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Văn A. Buộc bị đơn bà Trần Thị B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay là 292.917.333 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi là 12.917.333 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho

nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn bà Trần Thị B, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 110266 ngày 08/12/2014 và số BV 392031 ngày 15/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trần Thị B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2019, bị đơn bà Trần Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Tăng Văn A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Tăng Văn A cho rằng vào ngày 10/10/2018 bà Trần Thị B có vay của ông số tiền 280.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay thì bà B có làm biên nhận ký tên và điểm chỉ, đồng thời bà B còn giao cho ông hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà B thừa nhận chữ viết họ và tên, chữ ký tên và điểm chỉ trong giấy vay tiền của nguyên đơn cung cấp (**Bút lục số 12**) là của bị đơn ký tên, ghi tên và điểm chỉ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có ký vay của ông Tăng Văn A số tiền 280.000.000đồng là sự thật, không cần phải chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn B phải trả cho nguyên đơn số tiền 280.000.000đồng tiền vốn và lãi 12.917.333 đồng, tổng cộng là 292.917.333 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không đồng ý nên đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A vì bà cho rằng bà không có nợ số tiền này.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bị đơn B cho rằng bị đơn không nợ tiền của nguyên đơn Tuấn số tiền 280.000.000đồng; lý do vào năm 2015 bị đơn có nhận tiền vay của nguyên đơn là 30.000.000 đồng, nhưng không nhớ ngày tháng, bị đơn có trả tiền vốn cho nguyên đơn là 8.000.000 đồng cũng không nhớ ngày tháng; bị đơn chỉ là người đứng tên trên giấy vay tiền nhưng thực tế là con gái của bị đơn là Lê Hoàng C đi nhận và trả tiền, theo lời khai của chị C “Vào năm 2015, chị C không nhớ rõ ngày tháng nào, bà B có thỏa thuận vay tiền của ông A 30.000.000đồng, lãi suất tính ngày 300.000đồng/ngày, chị C là người trực tiếp nhận tiền vay từ ông A , cũng trong năm 2015 bà B có trả tiền vốn cho ông A 8.000.000 đồng, chị C là người trực tiếp giao tiền cho ông A ...”, lời trình bày của chị C phù hợp với lời khai của bị đơn B. Tuy nhiên, chị C là con gái bị đơn B, ngoài lời khai của bị đơn và chị C thì bị đơn và chị C không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn chỉ vay của ông A 30.000.000 đồng, chứ không có vay số tiền 280.000.000 đồng như ông A kiện. Đồng thời, các lời trình bày của phía bị đơn **nhưng** nguyên đơn không thừa nhận và theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp “giấy vay tiền ngày 10/10/2018” nội dung thể hiện rõ bị đơn có vay số tiền 280.000.000 đồng và có tạm thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 110266 và BV 392031 bản gốc và bị đơn thừa nhận bị đơn có ký tên, ghi họ tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Bị đơn phản đối yêu cầu của nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho sự phản đối của mình là có căn cứ. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định bị đơn có vay nguyên đơn 280.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Xét về tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi từ ngày 10/10/2018 đến khi xét xử vụ án với mức lãi suất 0,8%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*” tức thỏa thuận không quá $(20\%/năm : 12 \text{ tháng}) = 1,67\%/tháng$. Theo thỏa thuận ban đầu giữa nguyên đơn và bị đơn thì lãi suất vay là 3%/tháng, nhưng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi là 0,8%/tháng. Xét thấy, yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã tính tiền lãi trong khoảng thời gian vay 10/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/4/2019 là 5 tháng 23 ngày với mức lãi suất 0,8%/tháng thành tiền là 12.917.333 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3.3] Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 110266 ngày 08/12/2014 và số BV 392031 ngày 15/8/2014 Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trần Thị B. Khi vay bị đơn có giao cho nguyên đơn hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nguyên đơn thừa nhận hiện nay đang quản lý hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.4] Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông A nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3] Các phần khác của trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không **đặt** ra xem xét.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ **và được** Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn Trần Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bị đơn Trần Thị B có đơn yêu cầu miễn án phí do bà là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy bà B được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, **như sau:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Văn A. Buộc bị đơn bà Trần Thị B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 292.917.333 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền vốn gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi là 12.917.333 đồng.

[2]. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

[3]. Buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn bà Trần Thị B: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 110266 ngày 08/12/2014 và số BV 392031 ngày 15/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trần Thị B.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.645.866 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị B được miễn tòa bộ án phí phúc thẩm.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Thị Thanh Thúy